

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/QĐST-KDTM

Ngày: 11/7/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T Đ; trụ sở: Tầng 5, Toà nhà Đ L, số 01, Đường Đ L, phường .., Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông L X L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông V T H, sinh năm 1993; địa chỉ: 1041/9A, Đường T X S, phường T H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH A E; trụ sở: Số 32, Tổ 37, Khu phố C L 4, phường C M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Aishant Swain - Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/12/2019, nguyên đơn và bị đơn giao kết Hợp đồng nguyên tắc vận chuyển hàng hóa số 2019/HW-12016. Nội dung thỏa thuận nguyên đơn cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng hóa hàng đường hàng hải và hàng không cho bị đơn. Theo Điều 3.5 của Hợp đồng, bị đơn sẽ thanh toán tiền cước vận chuyển và chi phí liên quan cho nguyên đơn trong các điều kiện: Thời gian thanh toán là 37 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu và 07 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn đối với hàng hóa nhập khẩu.

Từ ngày 02/6/2021 đến ngày 08/8/2021, nguyên đơn đã thực hiện việc vận chuyển hàng hóa cho bị đơn với tổng chi phí phát sinh là 575.424.205đ (năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Nguyên đơn đã phát hành 19 hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn cuối cùng vào ngày 08/8/2021.

Ngày 20/8/2021, nguyên đơn đã gửi văn bản đòi chiếu công nợ đề nghị bị đơn xác nhận và thanh toán. Đến ngày 12/11/2021, bị đơn chuyển khoản thanh toán nguyên đơn số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 575.424.205đ. Nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền nợ gốc là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

- Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 415.424.205đ (bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ năm đồng).

- Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi do chậm toán với lãi suất 14,25%/năm cụ thể như sau:

- + Thời gian từ ngày 15/9/2021 đến ngày 12/11/2021 (01 tháng 27 ngày) trên tổng số nợ là 575.424.205đ, tương ứng với số tiền lãi 12.982.900đ.

- Thời gian từ ngày 13/11/2021 đến ngày 11/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) trên tổng số nợ gốc 415.424.205đ, tương ứng với số tiền lãi 39.135.900đ.

** Bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn không tham gia tố tụng và không có bất cứ văn bản, tài liệu chứng cứ nào gửi tới Tòa án.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không

tham gia tố tụng coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng phiên tòa lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa”. Nguyên đơn, bị đơn đều là pháp nhân thương mại, tranh chấp này phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các bên. Vì vậy quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại về việc “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn có trụ sở tại thành phố Thủ Dầu Một. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên bị đơn không tham gia tố tụng, không có bất cứ ý kiến gì và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét yêu cầu về thanh toán nợ gốc:

Nguyên đơn và bị đơn giao kết Hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng hóa số 2019/HW-12016. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng hóa cho bị đơn. Từ ngày 02/6/2021 đến ngày 08/8/2021,

tổng chi phí phát sinh là 575.424.205đ (năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Nguyên đơn đã phát hành 19 hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn cuối cùng vào ngày 08/8/2021. Ngày 12/11/2021, bị đơn chuyển khoản thanh toán nguyên đơn số tiền 160.000.000đ. Đến thời điểm hiện tại bị đơn chưa thanh toán hết số tiền nêu trên cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 415.424.205đ (bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ năm đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại thì “*Trường hợp bên vi phạm tiền hàng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*”.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn của 03 (ba) ngân hàng là Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 14,25%/năm. Lãi suất này là căn cứ tính lãi quá hạn chậm thanh toán. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 52.118.800đ (năm mươi hai triệu một trăm mười tám nghìn tám trăm đồng).

[3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Xét thấy đây là số tiền bị đơn đã thanh toán. Việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí đối với phần khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 203, 217; 218; 264; 266; 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 74; 75; 85; 87 và Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 11 và Điều a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tốc Độ đối với bị đơn Công ty TNHH Apex Exim về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH A E có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần T Đ số tiền nợ gốc là 415.424.205đ (bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ năm đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 52.118.800đ (năm mươi hai triệu một trăm mười tám nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 12/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T Đ về việc yêu bị đơn thanh toán số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn công Công ty TNHH Apex Exim phải chịu 22.701.700đ (hai mươi hai triệu bảy trăm lẻ một nghìn bảy trăm đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần T Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.070.000đ (mười bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001026 ngày 11/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo định pháp luật.

4. Về việc thi hành bản án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý